

Số: 08 /2022/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung các Phụ lục kèm theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 15/TTr-STNMT ngày 18 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung các Phụ lục kèm theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông



1. Bổ sung tên đường và giá đất còn thiếu vào bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh; sửa đổi tên gọi của các đoạn đường và tuyến đường trong bảng giá đất, vị trí đất nông nghiệp vào Phụ lục Bảng giá đất kèm theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông (Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo);

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định chung trong bảng Phụ lục số IV đính kèm theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông (Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo).

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp xây dựng giá đất cụ thể căn cứ theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông do Chủ dự án thuê Đơn vị tư vấn xây dựng đã trình Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo kết quả tư vấn giá đất để trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh xem xét trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trường hợp hồ sơ chuyên mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất do hộ gia đình, cá nhân nộp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng nằm trong đoạn đường được sửa đổi tên gọi, vị trí đất nông nghiệp theo quyết định này thì được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /..

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Đắk Nông;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - SNV;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN(N). 8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC SỐ 1:
BỔ SUNG TÊN ĐƯỜNG VÀ GIÁ ĐẤT CÒN THIẾU; SỬA ĐỔI TÊN GỌI
CỦA CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG VÀ TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ ĐẤT NÔNG
NGHIỆP VÀO BẢNG GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
GIAI ĐOẠN 2020-2024

(Kèm theo Quyết định số 08 /2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. Huyện Đắk Mil

1. Bổ sung tên đường và giá đất ở còn thiếu vào bảng giá các loại đất thuộc địa bàn huyện Đắk Mil

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
III.1	Thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil			
76	Đường giáp ranh thị trấn Đắk Mil, đường liên xã Đắk Lao - Thuận An	Quốc lộ 14C	Đường Y Jút (TDP 16 cũ)	800
77	Đường TDP 10	Đường Đinh Tiên Hoàng (nhà bà Nguyễn Thị Ngoan)	Đường Nơ Trang Gul	700
		Đường Đinh Tiên Hoàng (nhà ông Mai Hoàng Dũng)	Đường Nguyễn Trãi	500
78	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nơ Trang Long	2.000
79	Các đường còn lại TDP 2			600
80	Đường Lê Anh Xuân	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Viết Xuân	500
81	Các đường còn lại TDP 6			800
82	Các đường còn lại TDP 10			400
III.1	Xã Đức Mạnh			
19	Quốc lộ 14	Cây xăng Thanh Hằng	Giáp ranh xã Đắk N'Drót - Đắk R'la	650

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
20	Tỉnh lộ 682	Ngã ba đường vào nghĩa địa Bắc Ái (Đức Hiệp)	Cầu Đức Lễ (cũ) – Tà luy đương	550
21	Đường thôn Đức Bình	Quốc lộ 14 (Km 0)	Chùa Thiện Đức	300
22	Các đường nhánh có đầu nối với QL14 còn lại	Km 0 (QL14)	Km 0 + 200m	250
		Km 0 + 200m trở đi		200
III.3	Xã Đắc N'Drót			
12	Đường vào bon Đắc R'La	Ngã ba UBND xã Đắc N'Drót	Ngã ba nhà ông Hai Chương	170
		Ngã ba nhà ông Hai Chương	Ngã ba Bon Đắc R'La	200
III.5	Xã Đức Minh			
11	Đường Nguyễn Du	Đường vào trạm điện (cũ)	Ngã tư nhà bà Trang	2.500
12	Đường Đinh Tiên Hoàng (nối dài)	Giáp thị trấn Đắc Mil	Hết đường đất (nhà bà Lương Nữ Hoài Thư)	900
13	Đường thôn Xuân Phong	Km 0 (Tỉnh lộ 683)	Km 0 + 200m	400
		Từ Km 0 + 200m hết đường		300
		Các tuyến đường nội thôn không kết nối với Tỉnh lộ 683		300
		Km 0 (Tỉnh lộ 682)	Km 0 + 200m	350
		Từ Km 0 + 200m hết đường		300
		Các tuyến đường nội thôn song song và không kết nối với Tỉnh lộ 682		300
III.7	Xã Đắc SẮc			
10	Đường nội xã	Giáp ranh xã Đức Mạnh Tỉnh lộ 682	Ngã ba đầu thôn Thọ Hoàng 1	400
III.8	Xã Đắc GẮn			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
9	Các trục đường Bản Cao Lạng			100
III.9	Xã Thuận An			
3	Đường từ QL 14 đi Công ty Cà Phê Thuận An	Đập Núi lửa	QL 14 (nhà ông Phạm Văn Tề)	120
6	Đường Nội thôn Thuận Hòa	Ngã ba (Đập đội 2) giáp ranh xã Đắk Lao	Cổng chào thôn Thuận Hòa	150

2. Sửa đổi tên gọi của các đoạn đường và tuyến đường trong bảng giá đất ở thuộc địa bàn huyện Đắk Mil.

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
III.1	Thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil					
10	Các đường đầu nối với đường Nguyễn Du đi đường Hồ Xuân Hương	Km0 (đường Nguyễn Du)	Hết đường Huy Cận	Đường Huy Cận	Km0 (đường Nguyễn Du)	Hết đường Huy Cận
30	Đường Hoàng Diệu	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Phan Đăng Lưu	Các đường TDP 5 không đầu nối với đường Trần Hưng Đạo (QL14)		
53	Đường Mạc Thị Bưởi	Nhà Ông Liêu	Đường Quang Trung	Đường TDP 9	Đường Lê Duẩn	Đường Quang Trung
56	Đường Văn Cao	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Văn Cao	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Nơ Trang Gul
70	Đường Nơ Trang Gul			Đường Nơ Trang Gul	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn 1 rai
III.3	Xã Đắk N'Drót					
7	Đường thôn 5 đi thôn 6	Ngã ba nhà ông Xuân Phương	Ngã ba làng đạo thôn 6	Đường thôn 5 đi thôn 6	Ngã ba nhà ông Trần Minh Thanh	Ngã ba làng đạo thôn 6

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
8	Đường từ thôn 4 qua thôn 7, thôn 6	Ngã sáu thôn 4	Ngã ba làng đạo thôn 7	Đường từ thôn 4 qua thôn 7, thôn 6	Ngã 6 thôn 4	Ngã ba làng đạo thôn 6
9	Đường thôn 10	Cổng thôn 10	Ngã ba đường vào Hội trường thôn	Đường thôn 9	Cổng thôn 9	Ngã ba nhà ông Hoàng Văn Chiu
III.4 Xã Đắc Lao						
1	Quốc lộ 14 (về phía Đắc Lắc)	Giáp huyện đội Đắc Mil	Ngã ba thôn 4 (Công ty 2-9)	Quốc lộ 14 (về phía Đắc Lắc)	Giáp huyện đội Đắc Mil cũ	Ngã ba thôn Đắc Phúc (Công ty 2-9)
		Ngã ba thôn 4 (Công ty 2-9)	Giáp ranh xã Đức Mạnh		Ngã ba thôn Đắc Phúc (Công ty 2-9)	Giáp ranh xã Đức Mạnh
2	Quốc lộ 14 (về phía Đắc Nông)	Giáp ranh thị trấn	Cây xăng Anh Tuấn	Quốc lộ 14 (về phía Đắc Nông)	Giáp ranh thị trấn	Cây xăng Minh Tuấn
		Cây xăng Anh Tuấn	Giáp ranh xã Thuận An		Cây xăng Minh Tuấn	Giáp ranh xã Thuận An
3	Quốc lộ 14C	Giáp đường Trần Phú đi Quốc lộ 14C	Hết Lâm trường Đắc Mil (Công ty Đại Thành)	Quốc lộ 14C	Giáp đường Trần Phú đi Quốc lộ 14C	Hết Công ty TNHH MTV ĐTPT Đại Thành
		Hết Lâm trường Đắc Mil (Công ty Đại Thành)	Đập 6B		Hết Công ty TNHH MTV ĐTPT Đại Thành	Đập 6B
4	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 14 (XN Giao thông cũ)	Ngã ba thôn 1 Đắc Lao	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 14 (Xí nghiệp Giao thông cũ)	Ngã ba đường Lê Lợi – Lý Thường Kiệt

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
5	Đường liên xã Đắk Lao - Thuận An	Từ ngã ba Quốc lộ 14 (tại thôn 11B) giáp ranh xã Thuận An	Giáp ranh xã Thuận An	Đường liên xã Đắk Lao - Thuận An	Ngã ba Quốc lộ 14 (tại thôn Đắc An)	Giáp ranh xã Thuận An
6	Đường thôn 1	Giáp ranh thị trấn Đắc Mil (ngã ba đường Lê Lợi - đường Lý Thường Kiệt)	Giáp ranh xã Đức Mạnh	Đường thôn Đắc Xuân	Giáp ranh thị trấn Đắc Mil (ngã ba đường Lê Lợi - đường Lý Thường Kiệt)	Giáp ranh xã Đức Mạnh
7	Đường thôn 2	Ngã ba Lê Lợi (nhà kho ông Huy Hiền)	Hết nhà Mẫu giáo thôn 2		Ngã ba Lê Lợi (nhà kho ông Huy Hiền)	Hết nhà Mẫu giáo thôn Đắc Xuân
		Hết nhà Mẫu giáo thôn 2	Giáp xã Đức Mạnh		Hết nhà Mẫu giáo thôn Đắc Xuân	Giáp xã Đức Mạnh
8	Đường thôn 3	Nhà ông Vũ Vy	Hết nhà ông Lê Minh	Nhà ông Ngô Ngọc Hoàng	Hết nhà ông Lê Hữu Minh	
9	Đường vào thôn 4	Quốc lộ 14	Hết nhà ông Hợp	Đường vào thôn Đắc Phúc	Quốc lộ 14	Hết nhà ông Ngô Quang Hợp
10	Đường thôn 4	Giáp ranh xã Đức Mạnh	Hết nhà ông Trung		Giáp ranh xã Đức Mạnh	Hết nhà ông Nguyễn Tất Trung
		Hết nhà ông Trung	Ngã ba (nhà ông Lê Văn Đào)	Đường vào thôn Đắc Phúc	Hết nhà ông Nguyễn Tất Trung	Ngã ba đường Ngô Quyền (nhà ông Lê Văn Đào)
11	Đường thôn 4 (Lô 2 sau Bến xe)	Nhà ông Bùi Văn Ri (thôn 4)	Hết Công ty Cà phê 2-9	Đường thôn Đắc Phúc (Lô 2 sau Bến xe)	Nhà ông Bùi Văn Ri (thôn Đắc Phúc)	Hết Công ty Cà phê 2-9

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
12	Đường thôn 8B, thôn 9A	Ngã tư nhà Ba Đôn	Đường Quốc lộ 14C (nhà ông Hóa)	Đường thôn Đắc Lộc, thôn Đắc Thủy	Ngã tư nhà ông Ba Đôn	Đường Quốc lộ 14C (nhà ông Nguyễn Đặng Trung)
13	Đường thôn 8A	Ngã ba mẫu giáo thôn 8A	Giáp Quốc lộ 14C (Công ty Đại Thành)	Đường thôn Đắc Lộc	Ngã ba mẫu giáo thôn Đắc Lộc	Giáp Quốc lộ 14C (Công ty TNHH MTV ĐTPT Đại Thành)
14	Đường Liên thôn 10A-13 (Miếu cô)	Quốc lộ 14	Nhà máy Cao su	Đường liên thôn Đắc Kim (Miếu cô)	Quốc lộ 14	Nhà máy Cao su
15	Đường Liên thôn 10B -11A	Nhà ông Trần Văn Soa (Thôn 10B)	Hết nhà ông Nguyễn Hữu Quán (thôn 11A)	Đường liên thôn Đắc Tâm	Nhà ông Trần Văn Soa (thôn Đắc Tâm)	Hết nhà bà Nguyễn Thị Chung (thôn Đắc Tâm)
16	Đường thôn 11B	Ngã ba cây xăng Minh Tuấn (thôn 11B)	Giáp đường liên xã Đắc Lao - Thuận An	Đường thôn Đắc An	Ngã ba cây xăng Minh Tuấn (thôn Đắc An)	Giáp đường liên xã Đắc Lao - Thuận An
17	Đường thôn 7		(Khu chợ Đắc Mil)	Đường thôn Đắc Lợi	Ngã tư nhà ông Ba Đôn	Đi qua Hồ bơi Như Ngọc ra đường Trần Phú (khu chợ Đắc Mil)
		Giáp nhà ông Bùi Quang Định (thôn 6)	Đi qua nghĩa địa và ra nhà ông Ba Đôn		Giáp nhà ông Bùi Quang Định (thôn Đắc Phúc)	Đi qua nghĩa địa và ra nhà ông Ba Đôn
18	Đường thôn 12	Từ đập 40 (đường nhựa)	Hết thôn 12 (đường nhựa)	Đường thôn Đắc Thọ	Đập 40 (đường nhựa)	Hết thôn Đắc Thọ (đường nhựa)

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
19	Đường nội thôn	Đường thôn 8B, 9A	Hết đất nhà ông Thanh	Đường nội thôn	Đường thôn Đắc Lộc, thôn Đắc Thủy	Hết nhà ông Lê Văn Bình
		Nhà bà Hồng	Hết đất nhà ông Anh		Nhà ông Hải Dim	Hết đất nhà ông Phan Văn Anh
		Quốc lộ 14	Thôn 10A, thôn 10B		Quốc lộ 14	Thôn Đắc Tâm
20	Đất khu dân cư còn lại của 17 thôn			Đất ở khu dân cư còn lại 10 thôn		
21	Đường thôn 10A (Bổ sung)			Đường thôn Đắc Kim		
22	Đường nội thôn 13 (Bổ sung)	Nhà máy cao su	Hết thôn 13	Đường nội thôn Đắc Kim	Nhà máy cao su	Hết thôn Đắc Kim
III.5	Xã Đức Minh					
	Các tuyến đường nội thôn còn lại không kết nối với đường Tỉnh lộ 683 (có giá đất tương đương)	Thôn Đức Đoài		Các tuyến đường nội thôn còn lại song song và không kết nối với đường Tỉnh lộ 683 (có giá đất tương đương)	Thôn Đức Đoài	
		Thôn Minh Đoài			Thôn Minh Đoài	
		Thôn Mỹ Yên			Thôn Mỹ Yên	
		Thôn Kê Động			Thôn Kê Động	
		Thôn Bình Thuận			Thôn Bình Thuận	
		Thôn Vinh Đức			Thôn Vinh Đức	
IV	Sửa đổi, chia tách các trục đường trên địa bàn xã Đức Minh					
1	- Các trục đường có đầu nối với tỉnh lộ 682, 683: Chiều sâu từ Km0 đến 200m tính theo giá đã quy định tại Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh; sau 200m tính theo giá đất các đường nội thôn không đầu nối với tỉnh lộ 682, 683.					

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
2	- Trục đường DH32: Chiều sâu từ Km0 đến 200m tính theo giá đã quy định tại Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh; sau 200m tính theo giá đất các tuyến đường nội thôn còn lại không kết nối với đường DH32.					

II. Huyện Krông Nô

1. Bổ sung tên đường và giá đất ở còn thiếu vào bảng giá các loại đất thuộc địa bàn huyện Krông Nô

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
VI.1	Thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô			
33	Các tuyến đường nhựa ngoài khu trung tâm thị trấn (khu vực 3 bon)			250

2. Sửa đổi tên gọi của các đoạn đường và tuyến đường trong bảng giá đất ở thuộc địa bàn huyện Krông Nô

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
VIII.2	Xã Nam Đà					
5	Các khu dân cư trên các trục đường (1-8; 12)			Khu dân cư trên các trục 0-8; 12.		
VIII.9	Xã Năm Nung					
4	Khu vực ba tầng	Hết đất nhà ông Cao Bảo Ngọc	Hết đất nhà ông Nguyễn Tân Vỹ		Hết đất nhà ông Cao Bảo Ngọc	Hết đất nhà ông Trần Văn Trung

III. Huyện Đắk R'lấp

1. Bổ sung tên đường và giá đất ở còn thiếu vào bảng giá các loại đất thuộc địa bàn huyện Đắk R'lấp

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
II.1	Thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp			

34	Đường vào xóm Cà Mau (Bon Đắc B'Lao)	Ngã ba đường Lê Hữu Trác	Ngã ba giáp đất nhà ông Đậu Văn Thái	300
		Ngã ba giáp đất nhà ông Đậu Văn Thái	Giáp ranh xã Kiến Thành	200
35	Đường vào xóm 2, tổ 4	Ngã ba đường Nơ Trang Long	Ngã ba đất nhà ông Nguyễn Văn Tráng	300
36	Đường đi xã Kiến Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành (trạm y tế Kiến Đức cũ)	Giáp ranh xã Kiến Thành	500
II.1	Xã Kiến Thành			
16	Đường vào xã Quảng Tân	Ngã ba nhà ông Sử	Giáp ranh xã Quảng Tân	200
II.8	Xã Nghĩa Thắng			
6	Khu tái định cư Hồ Cầu Tư			415

2. Sửa đổi tên gọi của 01 đoạn đường và tuyến đường trong bảng giá đất ở thuộc địa bàn huyện Đắk R'lấp

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
II.1	Xã Kiến Thành					
10	Đường vào nhà nước đá Hương Giang Cũ	Ranh giới thị trấn Kiến Đức	Hết đường nhựa	Đường vào nhà nước đá Hương Giang Cũ	Ranh giới thị trấn Kiến Đức	Hết đường

IV. Huyện Cư Jút

1. Bổ sung tên đường và giá đất ở còn thiếu vào bảng giá các loại đất thuộc địa bàn huyện Cư Jút

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
VII.1	Xã Tâm Thắng			
4	Đường vào Trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng	Ngã 4 buôn Ea Pô	Giáp ranh xã Nam Dong	220

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
7	Đường thôn 2 đi thôn 4, 5	Quốc lộ 14	Hết nhà bà Tuyết	370
10	Đường Buôn Nui	Ngã 4 nhà ông Việt	Nhà văn hóa Bốn Buôn	300
		Nhà văn hóa Bốn Buôn	Ngã 4 đất ông Y Jút	200

2. Sửa đổi tên gọi của các đoạn đường và tuyến đường trong bảng giá đất ở thuộc địa bàn huyện Cư Jút

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
VII.5 Xã Đắk Drông						
1	Trục đường chính	Cách ngã 4 thôn 14 cũ, thôn 15 cũ về 3 phía mỗi phía 200m		Trục đường chính	Ngã 4 thôn 14 về 4 phía	Ngã 4 thôn 14 về 4 phía + 200m
		Cách ngã 4 thôn 14 cũ, thôn 15 cũ cộng 200m	Đường UBND xã đi Quán Lý		Ngã 4 thôn 14 + 200m	Đường UBND xã đi Quán Lý
		Cách ngã 4 thôn 14 cũ, thôn 15 cũ cộng 200m	Ngã ba nhà ông Hóa		Ngã 4 thôn 14 + 200m	Ngã 3 nhà ông (Hóa) nhà ông Bảo
		Ngã 4 thôn 14 cũ, thôn 15 cũ	Cầu thôn 15 cũ		Ngã 4 thôn 14 + 200m	Cầu thôn 15

V. Huyện Đắk Song

1. Bổ sung tên đường và giá đất ở còn thiếu vào bảng giá các loại đất thuộc địa bàn huyện Đắk Song

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
VI.1 Xã Nam Bình				
7	Đường vành đai phía	Quốc lộ 14 (Km 0)	Km 0 + 250m	300

đồng	Km 0 + 250m	Giáp thị trấn Đức An	200
------	-------------	----------------------	-----

2. Sửa đổi tên gọi của các đoạn đường và tuyến đường trong bảng giá đất ở thuộc địa bàn huyện Đắk Song

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
VI.6	Xã Đắk Mol					
2	Đường liên thôn	Giáp ranh giới xã Đắk Hòa	Hết thôn Hà Nam Ninh	Đường liên thôn	Giáp ranh giới xã Đắk Hòa	Cầu Bon A3

3. Sửa đổi vị trí đất nông nghiệp trong bảng giá các loại đất nông nghiệp thuộc địa bàn huyện Đắk Song

STT	Loại đất	Vị trí đất giai đoạn 2020-2024	Vị trí đất giai đoạn 2020-2024 (sửa đổi)
VI.3	Vị trí đất trồng cây lâu năm		
5	Xã Thuận Hạnh	- Vị trí 3: Thuận Bình, Thuận Hải	- Vị trí 3: Thuận Hải
VI.4	Vị trí đất nuôi trồng thủy sản		
7	Xã Đắk Mol	- Vị trí 2: Bon A3, Bon Mton	- Vị trí 2: Bon A3

VI. Huyện Đắk G'long

1. Bổ sung tên đường và giá đất ở còn thiếu vào bảng giá các loại đất thuộc địa bàn huyện Đắk G'long

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
V.3	Xã Quảng Hòa			
7	Đất ở các tuyến đường rải nhựa tại thôn còn lại			80
V.4	Xã Đắk Ha			
1	Quốc lộ 28 (Tỉnh lộ 684 cũ)	Đường vào Cổng 20 thôn 1	Giáp ranh xã Quảng Sơn	350
V.5	Xã Đắk Rmăng			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
8	Đường đi bon Păng Suôi	Đường từ nhà bà H'Xuân	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc	120
9	Đất ở các tuyến đường rải nhựa tại thôn, bon còn lại			130

2. Sửa đổi tên gọi của các đoạn đường và tuyến đường trong bảng giá đất ở thuộc địa bàn huyện Đắk G'long

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
V.1	Xã Quảng Khê					
19	Các tuyến đường bê tông ở các thôn			Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon		
V.2	Xã Quảng Sơn					
7	Đất ở các đường rải nhựa liên thôn			Đất ở các đường rải nhựa liên thôn; bon		
8	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn			Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon		
V.4	Xã Đắk Ha					
4	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn			Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon		
V.5	Xã Đắk Rmăng					
5	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn			Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon		
V.6	Xã Đắk Som					
8	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn			Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon		
V.7	Xã Đắk Plao					
3	Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn			Đất ở các tuyến đường bê tông các thôn; bon		

VII. Huyện Tuy Đức

1. Bổ sung tên đường và giá đất ở còn thiếu vào bảng giá các loại đất thuộc địa bàn huyện Tuy Đức

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
IV.4	Xã Quảng Tân			
3	Các tuyến đường tại thôn Đăk MRang			110
IV.6	Xã Quảng Trục			
7	Các tuyến đường liên thôn còn lại			80
8	Đất ở các khu dân cư còn lại			70

2. Sửa đổi tên gọi của các đoạn đường và tuyến đường trong bảng giá đất ở thuộc địa bàn huyện Tuy Đức

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
IV.1	Xã Quảng Tân					
3	Các tuyến đường trong các thôn, bon	Các tuyến đường tại bon Budrông B		Các tuyến đường trong các thôn, bon	Các tuyến đường tại bon Bu Ndrong B	
		Các tuyến đường tại thôn Đăk Snon			Các tuyến đường tại thôn Đăk Soun	
		Tuyến đường trung tâm thôn Đăk Krung			Các tuyến đường tại thôn Đăk K'Rung	
IV.2	Xã Đăk R'Tih					
1	Tỉnh lộ 681	Hết đất ông Phạm Hùng Hiệp	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Nhân	Tỉnh lộ 681	Hết đất ông Phạm Hùng Hiệp	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thái
		Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Nhân	Giáp xã Quảng Tâm		Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thái	Giáp xã Quảng Tâm
2		Ngã ba giáp Tỉnh lộ 681	Ngã ba đi Quảng Tân (đất nhà ông Trần Văn Chương)	Đường liên xã	Ngã ba giáp Tỉnh lộ 681	Ngã ba đi Quảng Tân (đất nhà ông Mỹ)

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
		Trạm Y tế mới của xã	Hết đất nhà ông Lê Văn Nhân		Trạm Y tế mới của xã	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thuyến
	Đường liên xã	Hết đất nhà ông Lê Văn Nhân	Ngã ba đi thôn 6 (nhà ông Phạm Anh Xinh)		Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thuyến	Ngã ba đi Bon Bu NĐor A (nhà ông Phạm Anh Xinh)
		Ngã ba đi thôn 6 (nhà ông Phạm Anh Xinh)	Ngã ba Tỉnh lộ 681 (Nhà máy Cao su)		Ngã ba đi Bon Bu NĐor A (nhà ông Phạm Anh Xinh)	Ngã ba Tỉnh lộ 681 (Nhà máy Cao su)
		Ngã ba đi thôn 6 (nhà ông Phạm Anh Xinh)	Giáp đất ông Điều Phi Á (ngã ba Tỉnh lộ 681)		Ngã ba đi Bon Bu NĐor A (nhà ông Phạm Anh Xinh)	Giáp đất ông Điều Phi Á (ngã ba Tỉnh lộ 681)
		Ngã ba trung tâm xã	Cầu Đák R'Tih (thôn 4)		Ngã ba trung tâm xã	Cầu bon Bu Dong (nhà ông Từ Văn Hương)
		Cầu Đák R'Tih (thôn 4)	Giáp xã Quảng Tân		Cầu bon Bu Dong (nhà ông Từ Văn Hương)	Giáp xã Quảng Tân
		Ngã ba thôn 4	Đập Đák Liêng		Ngã ba Bon Bu Dong	Đập Đák Liêng
		Nhà ông Điều Minh	Ngã ba thôn 4 (đối diện nhà Võ Thị Tuyệt)		Nhà ông Điều Minh	Ngã ba bon Bu Dong (đối diện nhà ông Nguyễn Xuân Nhiên)
IV.3		Xã Đák Ngo				

STT	Tên đường (đã quy định)	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi, điều chỉnh)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
6	Đường thôn 7	Ngã ba (giao với đường Philte)	Cầu Đák R'lấp	Đường thôn Tân Bình	Ngã ba (giao với đường Philte)	Cầu Đák R'lấp
		Ngã ba (giáp nhà ông Tung Danh)	Ngã ba gần nhà ông Rộng		Ngã ba (giáp nhà ông Tung Danh)	Ngã ba gần nhà ông Rộng
11	Đường vào điểm dân cư số 1 và 2 (ĐB Mông)	Ngã ba giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào điểm dân cư số 1 và 2 (ĐB Mông)	Đường vào điểm dân cư số 1 và 2 (ĐB Mông)	Ngã ba Trung Vân	Đi vào điểm dân cư số 1 và 2 (ĐB Mông)
IV.5 Xã Đăk Buk So						
10	Đất ở của các khu dân cư còn lại Bon Bu Boong, Bon Bu N'Rung, thôn 1, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8			Đất ở của các khu dân cư còn lại Bon Bu Boong, Bon Bu N'Drung, thôn 1, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn Tuy Đức		
IV.6 Xã Quảng Trục						
3	Đường liên bon	Ngã ba nhà ông Minh	Giáp trung đoàn 726	Đường liên bon	Ngã ba nhà bà Thị Ngum	Giáp trung đoàn 726

3. Sửa đổi vị trí đất nông nghiệp vào bảng giá các loại đất nông nghiệp thuộc địa bàn huyện Đăk Song, huyện Tuy Đức

STT	Loại đất	Vị trí đất giai đoạn 2020-2024	Vị trí đất giai đoạn 2020-2024 (sửa đổi)
I Xã Đăk R'Tih			
1	Vị trí đất trồng lúa	- Vị trí 1: Thôn 3, 4, 5 - Vị trí 2: Thôn 1, 2, 6 - Vị trí 3: Các khu vực còn lại	- Vị trí 1: Bon Diêng Ngaih, bon Rơ Muôn, bon Bu Đách, bon Bu Kóh. - Vị trí 2: Bon Ja Lú, bon Bu Mlanh A, bon Bu Mlanh B, bon Bu Nđơ A. - Vị trí 3: Các khu vực thôn, bon còn lại.
2	Vị trí đất trồng cây hàng năm khác	- Vị trí 1: Thôn 3, 4 - Vị trí 2: Thôn 1, 2	- Vị trí 1: Bon Diêng Ngaih, bon Rơ Muôn, bon Bu Dơng, bon Me Ra. - Vị trí 2: Bon Ja Lú, bon Bu Mlanh

STT	Loại đất	Vị trí đất giai đoạn 2020-2024	Vị trí đất giai đoạn 2020-2024 (sửa đổi)
		- Vị trí 3: Các khu vực còn lại	A, bon Bu Mlanh B. - Vị trí 3: Các khu vực thôn, bon còn lại.
3	Vị trí đất trồng cây lâu năm	- Vị trí 1: Thôn 2, 3, 4 - Vị trí 2: Thôn 5 - Vị trí 3: Các khu vực còn lại	- Vị trí 1: Bon Diêng Ngaih, bon Rơ Muôn, bon Bu Dong, bon Me Ra. - Vị trí 2: Bon Bu Đách, bon Bu Kóh. - Vị trí 3: Các khu vực thôn, bon còn lại.
4	Vị trí đất nuôi trồng thủy sản	- Vị trí 1: Thôn 3, 4, 5 - Vị trí 2: Thôn 2 - Vị trí 3: Các khu vực còn lại	- Vị trí 1: Bon Diêng Ngaih, bon Rơ Muôn, bon Bu Đách, bon Bu Kóh. - Vị trí 2: Bon Bu Mlanh A, bon Bu Mlanh B. - Vị trí 3: Các khu vực thôn, bon còn lại
II	Xã Quảng Tâm		
2	Vị trí đất trồng cây hàng năm khác	- Vị trí 2: Thôn 6	- Vị trí 2: Bon Bu N'Đor B
3	Vị trí đất trồng cây lâu năm	- Vị trí 2: Thôn 6	- Vị trí 2: Bon Bu N'Đor B
4	Vị trí đất nuôi trồng thủy sản	- Vị trí 2: Thôn 6	- Vị trí 2: Bon Bu N'Đor B

PHỤ LỤC 2:
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG QUY ĐỊNH CHUNG TRONG BẢNG
PHỤ LỤC IV KÈM THEO BẢNG GIÁ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK
NÔNG GIAI ĐOẠN 2020-2024

(Kèm theo Quyết định số *08* /2022/QĐ-UBND ngày *27* tháng *01* năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

- Sửa đổi, bổ sung nội dung điểm 1.4 mục 1. Xác định giá và vị trí đất ở tại đô thị và nông thôn tại bảng phụ lục số IV: Những quy định chung cho đúng với thực tế như sau:

“1.4. Giá đất trong cùng một thửa đất, có mặt tiền ven các đường, trục đường giao thông (trừ các trục đường có tên đoạn đường và tuyến đường là đường đất, các khu dân cư còn lại, đất ở ven đường đất cụt) tính theo chiều sâu, từ mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng (giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, hệ thống xử lý chất thải) đến mét thứ 30 tính theo hệ số 1; từ trên 30 mét đến mét thứ 50 tính theo hệ số 0,7; từ trên 50 mét tính theo hệ số 0,5 (áp dụng cho cả các trường hợp nêu ở điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 2.8 mục 2 quy định chung này).” *m*

